

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Xô

2. Ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26a/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1986, địa chỉ: KDC P, phường T, thị xã M, tỉnh D. Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977, địa chỉ: KDC K, phường L, thị xã M, tỉnh D. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai, biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị kết hôn anh Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M, tỉnh D vào ngày 28/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ của chị H tại xã T, M, D. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 thường đi làm ăn xa ít về nhà, công việc trong gia đình do một mình chị gánh vác, cuộc sống vợ chồng không có sự quan

tâm chia sẻ giúp đỡ nhau. Chị đã khuyên bảo anh T1, nhưng do quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xảy ra cãi, xô xát. Đến đầu năm 2022, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, anh T1 về quê của anh T1 ở K, L, M sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt về mặt tình cảm, kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị H xác định, chị và anh T1 có một con chung Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/8/2018. Con chung vẫn do chị chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ, về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung được đảm bảo. Do vậy, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Gia K1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng anh T1 xác định giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có suy nghĩ và thái độ so sánh giữa con riêng của anh T1 với con chung dẫn đến anh, chị thường xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 4/2022, anh đã về quê của anh ở L, M sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt về mặt tình cảm. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, không có khả năng về đoàn tụ với nhau, tuy nhiên việc ly hôn quan điểm của anh là tùy quyết định của chị H, anh không đồng ý. Anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh T1 xác định, anh và chị H có một con chung Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/8/2018. Hiện con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H có quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 xác định vợ chồng không có tài sản chung. Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, giữa chị H, anh T1, cụ thể như sau:

Xác minh tại địa phương phường L cung cấp: Chị H, anh T1 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M vào ngày 28/9/2017. Quá trình chung sống giữa chị H, anh T1 xảy ra mâu thuẫn dẫn đến chị H, anh T1 sống ly thân nhau, mỗi người một nơi. Nay chị H xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn Tôn. Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có mặt đã là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa và đã có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt anh.

- Về nội dung: Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T1. Bị đơn anh T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H là không còn vợ chồng mỗi người một nơi từ nhiều tháng nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T1 không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T1 là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cho Hiền được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/8/2018, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T1 phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về Tố tụng*: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 cư trú, sinh sống tại phường L, thị xã M, tỉnh D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D. Anh T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H, anh T1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh D (nay là phường L, tỉnh D) vào ngày 28/9/2017 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thì thấy về thời gian chị H, anh T1 sống ly thân chấm dứt về quan hệ tình cảm là phù hợp với lời khác các đương sự trình bày, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Chị H, anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T1 kéo dài nhiều tháng nay. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ yêu

cầu xin ly hôn với anh T1. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T1 là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị H, anh T1 có một con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/8/2018. Khi ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của chị H thì thấy: Hiện con chung cháu Khiêm ở cùng với chị H, về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung được đảm bảo. Quá trình giải quyết vụ án, con chung cháu Khiêm có nguyện vọng xin được ở với chị H. Bị đơn anh T1 đồng ý với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H. Do vậy, để ổn định về chỗ ở và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Hoàng Gia K1 là phù hợp với nguyện vọng của con chung và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T1 tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng với chị.

[5] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Chị H, anh T1 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung. Chị H, anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị H chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ**: Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ**: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với Nguyễn Văn T1.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Giao cho Hoàng Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Hoàng Gia K1, sinh ngày 04/8/2018. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh D theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001430 ngày 21/7/2022. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Chi cục THADS thị xã M;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh

